TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2026
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Thiện Hào

Bà Hoàng Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cầm Thị H, sinh ngày 22/02/1994.

Căn cước công dân số: 038194002409 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1 cấp ngày 03/6/2022.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cầm Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Xuân T kết hôn vào ngày 31/7/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện

đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị vẫn sống với nhau hạnh phúc được khoảng năm 02 năm. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đến năm 2017 chị H phát hiện anh T nhắn tin với người phụ nữ khác, chị đã nhắc nhở và bỏ qua cho anh T nhưng đến năm 2020 thì chị H lại phát hiện anh T vẫn liên lạc với người phụ nữ đó, mặc dù vợ chồng chị đã tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị H không còn tin tưởng vào anh T nên không thể tiếp tục chung sống với anh T. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại xã X, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không còn quan tâm liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Cầm Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Hoàng Cầm Tuyết N, sinh ngày 28/3/2015. Khi ly hôn, chị Cầm Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Hoàng Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để anh Hoàng Xuân T đến tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai, không đưa ra các yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Hoàng C Tuyết N là con chung của chị Cầm Thị H và anh Hoàng Xuân T đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh tại gia đình anh Hoàng Xuân T, bà Nông Thị Đ là mẹ đẻ của anh Hoàng Xuân T cho biết: Chị Cầm Thị H và anh Hoàng Xuân T kết hôn năm 2016, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai người chung sống cùng gia đình chồng tại thôn Bản Đao, xã T là thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn rồi cùng nhau đi làm công ty. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhờ đến gia đình hòa giải, tuy nhiên bà Đ có biết hai vợ chồng chị H có xảy ra tranh cãi nhưng bà không rõ nguyên nhân cụ thể, mặc dù bà Đ cũng đã khuyên bảo vợ chồng chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị H và anh T đã sống ly thân được khoảng 3-4 năm, trong thời gian ly thân, thỉnh thoảng chị H vẫn về thăm gia đình và chăm sóc anh T khi nằm viện. Các văn bản tòa án gửi về gia đình đều đã nhận được và thông báo cho anh T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, con chưa thành niên, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán,

Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cầm Thị H, xử cho chị Cầm Thị H được ly hôn với anh Hoàng Xuân T. Về con chung, giao cho chị Cầm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Cầm Tuyết N, sinh ngày 28/3/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Cầm Thị H không yêu cầu anh Hoàng Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung vợ chồng các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Cầm Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Cầm Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, còn đối với anh Hoàng Xuân T quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Hoàng Xuân T đều vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cầm Thị H và anh Hoàng Xuân T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Cầm Thị H thấy rằng chị Cầm Thị H và anh Hoàng Xuân T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập nhiều lần, nhưng anh Hoàng Xuân T đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, không đưa ra các yêu cầu về việc giải quyết vụ án. Điều đó cho thấy anh Hoàng Xuân T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không tìm được tiếng nói chung,

không tìm được phương án hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cầm Thị H.

[5] Về con chung: Chị Cầm Thị H và anh Hoàng Xuân T có 01 người con chung là Hoàng Cầm Tuyết N, sinh ngày 28/3/2015 và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy hiện nay cháu N đang có cuộc sống, sinh hoạt và học tập ổn định cùng gia đình chị Cầm Thị H, có sự hỗ trợ của bà ngoại trong việc chăm sóc cháu. Xét nguyện vọng của cháu là tự nguyện và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của gia đình, nên việc giao con cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục dưới sự giúp đỡ của bà ngoại là đảm bảo quyền lợi cho cháu, đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và học tập cho cháu. Trường hợp cần thiết các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cầm Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời anh T cũng không đưa ra yêu cầu vì vậy không xem xét về cấp dưỡng trong vụ án này. Trường hợp cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung; về vay nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Cầm Thị H là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cầm Thị H xử cho chị Cầm Thị H được ly hôn anh Hoàng Xuân T.

2. Về con chung: Giao cho chị Cầm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Cầm Tuyết N, sinh ngày 28/3/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Cầm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Tiền án phí được trừ vào số tiền chị Cầm Thị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000732, ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 – Lạng Sơn;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các đương sự;
- UBND xã X, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Bá Hiệp